

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số CBCL: 19/THAICOM GROUP/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: : **Công ty Cổ Phần Tập Đoàn THAICOM.**

Văn phòng: Tòa nhà 168 Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ: Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: +84 2213997457

E-mail: thaicom360thaicom@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0900347903

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 26/2019/GCNATTP-SCT Ngày Cấp 30 tháng 12 năm 2019/Nơi cấp: Sở Công Thương Tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nước Cam Ép 360®

2. Thành phần: Nước, đường kính, đường HFCS, nước cốt cam cô đặc (5 g/l), chất điều chỉnh độ axit (INS 330, INS 331iii), chất ổn định (INS 415), chất bảo quản (INS 211), chất điều vị (INS 955), hương tạo đục tự nhiên và tổng hợp, hương cam tự giống tự nhiên.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

+ Lon nhôm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

+ Chai nhựa PET: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

-Chất liệu bao bì:

+ Sản phẩm đựng trong lon nhôm.

+ Sản phẩm đựng trong chai nhựa PET.

- Quy cách đóng gói:

+ Đóng lon với thể tích thực: 240 ml, 250 ml, 315 ml, 318 ml, 320ml, 330 ml.

+ Đóng chai nhựa PET với thể tích thực: 240 ml, 250 ml, 320ml, 350 ml, 355 ml, 500 ml.



+ Các sản phẩm lon hoặc chai nhựa PET được đóng trong thùng giấy carton: 24 lon (chai) trong mỗi thùng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn THAICOM

Địa chỉ: Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Sản xuất đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm theo thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2012 của Bộ Trưởng Y Tế.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 08 năm 2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất (đính kèm phụ lục).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 14. tháng 04. năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC CHẤT LƯỢNG

Nguyễn Tri Thành



Phụ lục

Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 19/TC/2021

(Đính kèm bản tự công bố số: 19/THAICOM GROUP/2021)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THAICOM	NHÓM SẢN PHẨM ĐỒ UỐNG KHÔNG CỒN	SỐ TCSX: 19/TC/2021
	Nước Cam ép 360®	Có hiệu lực từ ngày ký

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dung dịch lỏng.
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng của sản phẩm.
- Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm cam ép, vị ngọt hài hòa.

2. Các chỉ tiêu hóa lý:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng	Kcalo	306 - 568
2	Carbohydrate	g/l	92 - 170
3	Đường tổng số	g/l	87.5-162.5
4	Nước cốt cam cô đặc	g/l	5
5	Chất đạm	g/l	0
6	Chất béo	g/l	0

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10 ²
2	Coliform	CFU/ml	10
3	E.coli	CFU/ml	0
4	Streptococci faecal	CFU/ml	0
5	Pseudomonas aeruginosa	CFU/ml	0
6	Staphylococcus aureus	CFU/ml	0
7	Clostridium perfringens	CFU/ml	0
8	Tổng số nấm men và mốc	CFU/ml	10

4. Hàm lượng kim loại nặng:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Pb	mg/kg	0,05
2	As	mg/kg	0,1
3	Cd	mg/kg	1,0
4	Pb	mg/kg	0,05
5	Cu	mg/kg	2,0
6	Zn	mg/kg	5,0

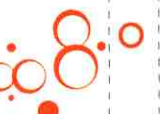
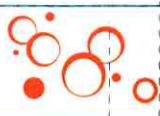
5. **NSX/HSD:** 18 tháng kể từ ngày sản xuất (Ghi dưới đáy lon)

6. **Số lô sản xuất:** Ghi dưới đáy lon

7. **Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh.

8. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm.

9. **Cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn. Không sử dụng sản phẩm khi bao bì không còn nguyên vẹn hay hở nắp.



300 Cam ép



THAICOM GROUP



HỆ THỐNG
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
ISO 22000:2018
No. 18478660560

Sản phẩm đã đạt chất lượng
do cơ quan Thực phẩm
và Dược phẩm Mỹ cấp
Số: 18478660560



Orange
JUICE DRINK

300 Cam ép

Net content: 320 ml
Thể tích thực: 320 ml



NƯỚC Cam ép 300 ORANGE JUICE 300
Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 320 ml
(value for 100g/ml) (value for 100g/ml)

Năng lượng/Energy	440 kcal
Carbohydrate	42 g
Sugar	40 g
Chất đạm/Protein	0 g
Chất béo/Fat	0 g

Sản phẩm chất lượng cao nhất
Healthy food product of
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THAICOM
THAICOM GROUP
Van Phòng, Tà Lài, 168 Ngõ, Khánh
quận Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số xuất bản: Thành Phố Hồ Chí Minh, và hàng tiêu
huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Order: 168 Ngõ, Khánh, Building,
Bà Rịa District, Hanoi, Vietnam.
Factory: Ngõ Lũn Hầm, Trung Trại,
Commune, Văn Lâm District, Hưng Yên Province,
Vietnam. Tel: +84 221 399 7457
Email: thaicom300@thaicom.com
Thành phố: Nước, đường Van Phòng, H-FCS
mở cửa bán lẻ (3 g/l), chất đầu chèn
đỏ van (INS 330), INS 331 (li), chất ổn định
(INS 415), chất tạo ngọt (INS 211),
và dung dịch vi (INS 559), hương tạo đặc từ nhân
và dung dịch, hương cam quýt tự nhiên
NSX, HSD 60 lệ. Xem dưới đây for
Hương dân sử dụng. Sử dụng trực tiếp,
ngọt hơn khi dùng lạnh.
Hương dân bảo quản. Bảo quản nơi khô ráo,
hương mát, tránh ánh sáng trực tiếp dưới ánh
sắc mạnh.
Chẩn đoán an toàn. Không sử dụng gần phân
đã hết hạn. Không sử dụng sản phẩm khi bảo vệ
đường ruột không, vật hay ra hộp.
Ingredients: Water, sugar, H-FCS sugar, orange
juice concentrates, (5 g/l), acidity regulators
(INS 330), INS 331 (li), stabilizers (INS 415),
preservative (INS 211), sweetener (INS 559),
natural and synthetic, including agent, flavour,
natural/identical orange flavour.
MFD: EXP lot no. See the bottom of the jar
for instructions of usage. Ready to serve, better
enjoyed chilled.
Storage instructions: Store in a cool dry place;
avoid direct sunlight on the product.
Safety warning: Do not use expired products.
Do not use the product when its packaging
is not intact, or its lid is opened.
Xử lý tại Việt Nam/Produced in Vietnam.

Số/No: 2020/2859/TN4/04

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/Name of sample: **Nước cam ép 360®**
 2. Khách hàng/Customer: **Công ty Cổ phần Tập Đoàn ThaiCom**
Địa chỉ: Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
 3. Số lượng mẫu/Quantity: **06 lon**
 4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: **08/12/2020**
 5. Tình trạng mẫu/Status of sample: **Mẫu trong lon kín, nguyên sản phẩm**
 6. Thời gian thử nghiệm/Test duration: **Từ ngày/From: 08/12/2020 đến ngày/To: 18/12/2020**

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)	CFU/mL	ISO 4833-1:2013	Không có/ nil
2.	E.coli (*)	CFU/mL	ISO 16649-2:2001	Không có/ nil
3.	Coliforms (*)	CFU/mL	ISO 4832:2006	Không có/ nil
4.	Streptococci faecal (*)	CFU/mL	ISO 7899:2010	Không có/ nil
5.	Pseudomonas aeruginosa (*)	CFU/mL	ISO 16266:2006	Không có/ nil
6.	C. perfringens (*)	CFU/mL	ISO 7937:2004	Không có/ nil
7.	Tổng số nấm men, nấm mốc (*)	CFU/mL	ISO 21527-1,2:2008	Không có/ nil
8.	Coagulase positive staphylococci (*)	CFU/mL	ISO 6888-1:1999	Không có/ nil
9.	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0,03)
10.	Piperonyl butoxide	µg/kg	TN4/HD/N3-238 GC/MS/MS	Không phát hiện (LOD=20)
11.	2-phenylphenol	µg/kg	TN4/HD/N3-238 GC/MS/MS	Không phát hiện (LOD=20)
12.	Propargit	mg/kg	AOAC 975.02	Không phát hiện (LOD=0,02)

Ghi chú: LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2020

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHUẨN

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM 29-12-2020

Số chứng thực: 5216 H. Quyển số 01 SCT/BS

Đỗ Văn Thích

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Ngọc Phấn

PHÓ CHỦ TỊCH Lê Thanh Hải

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.